TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hữu Thắng

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền-Kiểm sát viên.

Ngày 09-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 15-4-2021 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-7-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bích N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 1/50, Tổ 13, ấp G, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 1126/5/14 đường Quốc lộ 1A, khóm A, phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08-4-2021, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Bích N trình bày:*

Chị N với anh Q cưới nhau năm 2016, trên tinh thần hôn nhận tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường A, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/2016, ngày 27-6-2016. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh Q, cuộc sống hôn nhân hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Đến cuối năm 2017, thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, anh Q không quan tâm, chia sẽ với chị và con, anh Q chỉ nghe lời mẹ của anh, dẫn đến chị mâu thuẫn tình cảm với mẹ chồng, chị nói và làm việc gì cũng không vừa ý mẹ chồng, làm cho cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh Q không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân với anh Q hơn 03 năm nay. Nay hôn nhân giữa chị với anh Q không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để sống chung với nhau, hai bên không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Q theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N với anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc M (nữ, sinh ngày 03-01-2017) hiện nay chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên chị N có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là Nguyễn Văn Q được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Còn bị đơn vắng mặt, chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị Bích N, cho chị N được ly hôn với anh Q theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, còn con chung cháu Nguyễn Phạm Ngọc M giao cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Phạm Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn là anh Nguyễn Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có ly do. Xét thấy, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là Phạm Thị Bích N và bị đơn là Nguyễn Văn Q theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Chị N với anh Q cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường A, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/2016, ngày 27-6-2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Đến cuối năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N với anh Q không hàn gắn được, nên chị N dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở, sống ly thân với anh Q hơn 03 năm nay. Nay chị N nộp đơn xin ly hôn với anh Q. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích N với anh Nguyễn Văn Q cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường A, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/2016, ngày 27-6-2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh Q là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, theo chị N hôn nhân giữa chị với anh Q không có hạnh phúc, anh Q không quan tâm, chia sẽ với chị và con trong cuộc sống, chỉ nghe lời mẹ ruột, dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được nên chị N dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở huyện H, tỉnh Kiên Giang để sinh sống và ly thân với anh Q từ cuối năm 2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân thì anh Q cũng không quan tâm đến chị và con để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, nay giữa chị với anh Q không còn tình cảm, nên chị nộp đơn xin ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Q thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài vì hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và bị đơn anh Q cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị N nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Bích N đối với anh Nguyễn Văn Q.

[4]. Về con chung: Chị N với anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc M, sinh ngày 03-01-2017, hiện chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị N là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, bởi vì cháu M được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ và cháu M là bé gái nên cần sự chăm sóc của mẹ và anh Q cũng không có ý kiến gì phản đối về yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con của chị N, nên yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn của chị N là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Phạm Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7]. Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1, khoản 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích N được ly hôn với Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Ngọc M (nữ, sinh ngày 03-01-2017) cho chị Phạm Thị Bích N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành cho anh Nguyễn Văn Q được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007669 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị N đã nộp xong.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND Phường A, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Kim Sa Pha